

GIÁO DỤC Ý THỨC SINH THÁI TRONG TRUYỆN THIẾU NHI CỦA HÀ THỊ CẨM ANH

Lê Tú Anh¹, Lê Thị Thu², Lê Thị Mai³

TÓM TẮT

Hà Thị Cẩm Anh là nhà văn người dân tộc thiểu số ở Thanh Hóa. Hơn nửa thế kỷ cầm bút, nữ nhà văn đã có một sự nghiệp văn học khá dày dặn bao gồm chủ yếu là các sáng tác thuộc loại hình văn xuôi. Trong những tác phẩm mang đậm dấu ấn văn hóa Mường, Hà Thị Cẩm Anh đã thể hiện một ý thức sinh thái rất sâu sắc, nhất là các truyện thiếu nhi. Bài viết sử dụng lí thuyết phê bình sinh thái để nhận diện, phân tích, lí giải cảm thức sinh thái và chủ đích giáo dục ý thức sinh thái trong các truyện thiếu nhi được tuyển chọn trong *Tuyển tập văn học thiếu nhi (Đề tài miền núi và dân tộc thiểu số)* của Hà Thị Cẩm Anh phát hành năm 2020 do nhà xuất bản Thanh Hóa thực hiện.

Từ khóa: *Truyện thiếu nhi, Hà Thị Cẩm Anh, giáo dục, ý thức sinh thái.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hà Thị Cẩm Anh là nhà văn người dân tộc thiểu số ở Thanh Hóa. Hơn nửa thế kỷ cầm bút, nữ nhà văn đã có một sự nghiệp văn học khá dày dặn bao gồm chủ yếu là các sáng tác thuộc loại hình văn xuôi. Trong những tác phẩm mang đậm dấu ấn văn hóa Mường, Hà Thị Cẩm Anh đã thể hiện một ý thức sinh thái rất sâu sắc, nhất là các truyện thiếu nhi. Các tác phẩm *Chẫu chàng, Cóc tía và những cư dân xóm bờ ao; Những đứa trẻ mồ côi; Lão thần rừng nhỏ bé; Con đường dài lắm; Thằng Chinh ngốc; Người anh hùng và con Cọp...* không chỉ là những truyện kể hấp dẫn cho trẻ em, mà từ ý thức và cảm hứng sinh thái mãnh liệt, Hà Thị Cẩm Anh còn gửi gắm nhiều thông điệp mang tính nhân văn và thời sự sâu sắc. Trong bối cảnh môi trường sinh thái đang đứng trước nhiều nguy cơ, những sáng tác này của Hà Thị Cẩm Anh vừa có tính cảnh báo/cảnh tỉnh, vừa có ý nghĩa giáo dục đầy tính nhân văn. Bài viết sử dụng lí thuyết phê bình sinh thái để nhận diện, phân tích, lí giải cảm hứng sinh thái và thông điệp về ý thức giữ gìn, bảo vệ sinh thái trong các truyện thiếu nhi được tuyển chọn trong tập *Tuyển tập văn học thiếu nhi (Đề tài miền núi và dân tộc thiểu số)*, Nxb Thanh Hóa, 2020 của nhà văn Hà Thị Cẩm Anh.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái lược về văn học sinh thái và phê bình (văn học) sinh thái

Theo các chuyên gia về sinh thái học, văn học sinh thái có thể được hình thành trong thời đại tư bản chủ nghĩa, khi nền sản xuất công nghiệp phát triển, ảnh hưởng nghiêm trọng

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: letuanh@hdu.edu.vn

² Học viên cao học K12 chuyên ngành Văn học Việt Nam, khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

³ Trường Trung học Cơ sở Đông Cương, thành phố Thanh Hóa

tới môi trường sống tự nhiên. Hiện có nhiều ý kiến khác nhau về những tác phẩm được xem là đầu tiên/xuất hiện sớm nhất của văn học sinh thái và phê bình sinh thái trên thế giới. Theo Peter Barry, nói về điều này, cần nhấn mạnh vai trò của ba cây bút siêu nghiệm tiêu biểu Mỹ trong thế kỷ XIX là Ralph Waldo Emerson (1803 - 1882) với tác phẩm *Thiên nhiên* (công bố lần đầu năm 1836), Margaret Fuller (1810 - 1850) với tác phẩm *Mùa hè trên những vùng hồ, trong năm 1843* (In trong cuốn *The Portable Margaret Fuller*, 1994) và Henry David Thoreau (1817 - 1862) với cuốn *Walden (Một mình sống trong rừng, 1954)* [4; tr.15 - 17]. Cũng theo Peter Barry, khác với Mỹ, phê bình sinh thái hay còn gọi là nghiên cứu xanh ở Anh lại cho rằng “kiểu viết lấy sinh thái làm trung tâm thực ra bắt đầu từ Chủ nghĩa lãng mạn Anh vào thập niên 90 thế kỷ XVIII chứ không hẳn là bắt đầu từ chủ nghĩa siêu nghiệm Mỹ thập niên 40 thế kỷ XIX” [4; tr.17] với những tên tuổi như Jonathan Bate, Raymond Williams... Tuy nhiên, một số ý kiến lại cho rằng văn học sinh thái thực sự bắt đầu với tác phẩm *Mùa xuân im lặng [Silent spring]* (1962) của nhà sinh vật hải dương học người Mỹ - R. Carson (1907 - 1964). Từ sau những tác phẩm được cho là mở đầu, văn học sinh thái (Eco-literature) dần trở thành một thuật ngữ chỉ loại văn học tập trung vào mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, trong đó con người được nhìn nhận như là thủ phạm đang “giết” dân thế giới tự nhiên [6]. Phát biểu đó của văn học sinh thái (ở các mức độ khác nhau) đang rung những hồi chuông cảnh tỉnh con người về những thảm họa, về hậu quả mà con người phải gánh chịu do chính hành động của họ gây ra. Với ý nghĩa đó, văn học sinh thái thực sự là loại văn học nhân văn, vì con người.

“Ecocriticism” (Phê bình sinh thái) với tư cách một thuật ngữ văn học lần đầu xuất hiện vào cuối thập niên 70 của thế kỷ XX, ban đầu là nghiên cứu các mối quan hệ giữa con người và môi trường phi con người, về sau khi khái niệm sinh thái được hiểu rộng, linh hoạt hơn, các nghiên cứu còn hướng tới mối quan hệ giữa con người và môi trường sinh thái xã hội. Cho đến nay, trong thời đại khủng hoảng sinh thái toàn cầu, có nhiều cách hiểu khác nhau về phê bình sinh thái. Trong đó, một vấn đề khá trọng tâm là nhiều nhà nghiên cứu - phê bình đặt vấn đề cần suy nghĩ lại về vị trí của con người trong tự nhiên: thay vì con người là trung tâm, có thể coi sinh thái là trung tâm. Cùng với đó, thái độ ứng xử với môi trường không còn là hành vi ứng xử mang tính cá nhân mà cần nâng lên thành phạm trù đạo đức sinh thái đối với toàn nhân loại. Về phương pháp/nền tảng lí thuyết của phê bình sinh thái “vẫn là một phần của lí thuyết phương Tây hiện đại và hậu hiện đại” trong đó tư tưởng nền tảng là tính giải cấu trúc, giải trung tâm [4; tr.10].

2.2. Truyền thiếu nhi của Hà Thị Cẩm Anh - Những bài học về sinh thái

Hà Thị Cẩm Anh có thể chưa tiếp xúc với các tác phẩm văn học sinh thái cũng như lí thuyết phê bình sinh thái trên thế giới. Theo chúng tôi, lí do đưa nhà văn lớn tuổi này đến với những suy tư về sinh thái có thể là một tiền đề đến từ tiểu sử. Hà Thị Cẩm Anh là người dân tộc Mường, quê ở xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Sinh ra và lớn lên ở miền núi, cũng như bao nhiêu người miền núi khác, nhà văn sống gần gũi, gắn bó với tự nhiên. Sản có tâm hồn nghệ sĩ giàu rung cảm, bà coi thiên nhiên không chỉ là một phần không thể thiếu của cuộc sống, mà còn là ngọn nguồn của nhiều cảm hứng sáng tạo nghệ thuật. Tiếc là, cảm xúc về vẻ đẹp của thiên nhiên giờ đây đã bị thay thế thành cảm xúc đau buồn trước thực trạng thiên nhiên bị hủy diệt và đương nhiên, nó đồng nghĩa với việc cuộc

sống của con người bị đe dọa. Và khi môi trường sinh thái bị đe dọa, hủy diệt thì người chịu tác động nhiều nhất, tổn thất nhiều nhất chính là trẻ em.

Trước khi nói về truyện thiếu nhi của Hà Thị Cẩm Anh, chúng tôi xin được trình bày tóm lược quan điểm của mình về văn học thiếu nhi. Theo *Công ước Quốc tế về quyền trẻ em* (UNCRC), thiếu nhi được xác định là những em nhỏ dưới 18 tuổi. Văn học thiếu nhi, do vậy, trước hết cần có nội dung phù hợp với lứa tuổi: viết về trẻ em và cảm nhận thế giới bằng đôi mắt trẻ thơ. Về mục đích sáng tác, các tác phẩm văn học thiếu nhi thường hướng tới mục tiêu giáo dục trí tuệ, hình thành nhân cách cho các em. Trong mục tiêu giáo dục trí tuệ, bên cạnh việc cung cấp thêm các tri thức về con người và thế giới, văn học thiếu nhi còn giúp phát triển ngôn ngữ, cả về từ vựng, ngữ pháp, cách diễn đạt... cho trẻ em. Do trẻ em còn non nớt về nhận thức, trí tuệ, cảm xúc nên về hình thức, văn học thiếu nhi cần đảm bảo lối hành văn/diễn đạt ngắn gọn, trong sáng, dễ hiểu, dễ tiếp nhận. Ngôn ngữ trong văn học thiếu nhi cần giàu hình ảnh, giàu tính liên tưởng và cảm xúc để khơi gợi sự thích thú cho những người đọc nhỏ tuổi. Xuất phát từ mối quan tâm lớn đối với trẻ em, trong nhiều tác phẩm của mình, Hà Thị Cẩm Anh luôn mong muốn giáo dục ý thức sinh thái, tinh thần bảo vệ, gìn giữ môi trường sống trong lành, “giàu dinh dưỡng” với hy vọng về một tương lai tốt đẹp hơn cho các em.

Thiên nhiên là nguồn sống vật chất của con người

Trong tác phẩm của Hà Thị Cẩm Anh, thiên nhiên luôn được miêu tả như là nguồn tài nguyên rất dồi dào, cung cấp thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh... để nuôi dưỡng phần đời sống thân xác của con người: “Thằng Chinh ngốc đi rừng là để kiếm nấm rau chuôi, rau xắng, kiếm thông nhặng củ mài, củ rạng để hai mẹ con có cái ăn hàng ngày. Thằng Chinh đi rẫy là để tía hạt ngô, hạt kê giốn lúa nếp giống xuống chỗ đất mà nó đã phát cây, vằn đá để đến mùa có cái mà thu hoạch và sà giống như tất cả các bếp ở làng Chiềng Va” [1; tr.358];... “ra tháng giêng hai là mùa đào củ mài, củ rạng. Hai thứ củ này trong rừng nguyên sinh rất sẵn. In bắt gặp và đào được một gốc mài là đủ cho hai mẹ con ăn cả tuần trời” [1; tr.287-288]; “Ngày ngày In vẫn vào rừng tìm củ mài, tìm hạt gắm về làm bữa cho hai mẹ con, hái rau xắng, lầy măng sặt, măng vầu đem xuống quán bá Chèm Cao để đổi dầu, đổi muối...” [1; tr.234].

Không chỉ đem lại nguồn thức ăn, thiên nhiên còn đem đến cho người Mường nhiều lá thuốc quý để chữa bệnh cứu người, cứu vật. Trong truyện *Những đứa trẻ mồ côi*, khi đưa em gái là con Sim ốm sốt, thằng Sinh đã “bốc những nắm lá thuốc già nhỏ vắt từng giọt từng giọt cái thứ thuốc màu xanh sánh đặc có mùi thơm ngai ngái vào miệng cho con Sim...” [1; tr.131]; khi con voọc mẹ bị bông, Sinh cũng “hái lá thuốc chữa bông cho hai mẹ con nhà voọc. Hai mẹ con nó khỏi rồi!” [1; tr.137]... Rừng còn có rất nhiều cây thuốc nam quý để chữa nọc độc do rắn cắn, do ong đốt... Có thể nói, con người, nhất là người miền núi, phần lớn kiếm sống từ tự nhiên, từ rừng. Từ khi sinh ra đến khi mất đi, người miền núi không thể sống nếu thiếu sự gắn bó với rừng. Ngoài việc cung cấp nguồn thức ăn, thuốc chữa bệnh, rừng còn che chở cho con người khỏi nắng mưa, giông bão, hiểm nguy. Để tránh sự phát hiện của đoàn người buôn bán động vật quý trái phép, “Con Sim chui vào bụng cây gội già, vạ Cúc đẩy miếng ván vào chỗ con Sim mới chui vào. Lập tức cái bụng rỗng của cây gội kín mít, tối um. Nếu có cả một đoàn người đi qua cũng không phát hiện được là trong bụng của cây gội có vạ Cúc với con Sim đang ở trong đó” [1; tr.163-164].

Thiên nhiên là chỗ dựa tinh thần của con người

Gắn bó với rừng, người miền núi coi mỗi cây xanh, mỗi con vật đều là những sinh mệnh, cùng tồn tại bên cạnh con người. Hiểu sâu sắc điều ấy, Hà Thị Cẩm Anh đã dành nhiều trang miêu tả vẻ đẹp của một khúc sông, một đoạn suối, vạt cây rừng, cuộc sống sinh hoạt của đàn voọc trắng, của cụ rùa... Đó cũng là những trang thấm đẫm tình yêu quê hương, xứ sở của nhà văn - một người con dân tộc Mường.

Trong *Lão thần rừng nhỏ bé*, thiên nhiên của rừng Pù Hu - khu rừng nguyên sinh duy nhất còn sót lại ở thung lũng Si Dô, được miêu tả với vẻ đẹp nguyên thủy, hoang sơ, thuần khiết: “Mùa xuân hoa út lót trắng ngần. Hoa ô môi đỏ thắm. Mùa hè hoa mụt ngắn, hoa dong riềng và hoa riềng áp lập lòe khắp nơi. (...). Cuối tháng Giêng, sau những ngày mưa xuân lất phất là những ngày nắng ấm. Cỏ bắt đầu đâm mầm mới. Hoa bông trắng cũng chen nhau mọc và chỉ mười ngày đã bắt đầu lấm tấm nở hoa”... [1; tr.290]. Trong khu rừng còn có một gia đình voọc mười con đủ cả ông bà, cha mẹ, cô dì chú bác. Bằng quan sát tinh tế và sự am hiểu sâu sắc đời sống của loài vật này, nhà văn đã miêu tả cận cảnh một con voọc mẹ sinh con trong niềm vui sướng của cả gia đình voọc. Dưới mắt nhìn của nhà văn, loài vật cũng đầy tình yêu thương đồng loại.

Thiên nhiên tồn tại bên cạnh con người, thậm chí, nhiều khi thiên nhiên còn trở thành bạn tâm giao, tâm phúc của con người. Đàn voọc quần đùi trắng quý hiếm, cụ rùa đá già nua và lũ chim rừng vô tư... đã xoa dịu phần nào nỗi buồn tủi trong suốt quãng đời niên thiếu của In (*Lão thần rừng nhỏ bé*). Trong *Người anh hùng và con cọp*, con Tác - một con cọp chưa kịp mọc răng được cha thằng Đa nhặt đem về vì mẹ cọp của nó đi kiếm mồi gặp nạn thợ săn nên gắn bó như “người ruột thịt” với cả gia đình. Khi trưởng thành, trở lại cuộc sống tự nhiên nhưng con vật vẫn không quên “ân sâu nghĩa nặng”. Ngày cha, mẹ, rồi con Hĩm (em Đa) mất, Tác đều trở về gầm gào đầy đau đớn, và “Tiếng kêu của người bạn cọp này đã làm cho thằng Người Rừng bé con bỗng cảm thấy là mình đã được an ủi đôi phần. Nỗi đau đớn trong lòng Đa dịu bớt. Nỗi cô đơn sợ hãi của Đa cũng vơi vơi được một phần” [1; tr.381]. Trong quãng đời cô đơn còn lại, nhiều khi Đa chỉ ao ước có con cọp bên cạnh: “Giá như được nằm gọn trong lòng con Tác mà ngủ một giấc như ngày cả con Tác, cả thằng Đa còn nhỏ thì hay biết mấy?” [1; tr.388].

Bên cạnh sự bao bọc chở che của thiên nhiên, tình yêu thương của con người là sinh thái tinh thần để trẻ em được sống hạnh phúc

Mong muốn trẻ em được sống hạnh phúc, bên cạnh việc cần giữ gìn sinh thái tự nhiên, nhà văn còn đề cao sinh thái tinh thần, xã hội. Truyện *Người anh hùng và con cọp* phản ánh về một sự đối xử thiếu công bằng của con người. Bố mẹ thằng Đa bị nghi ngờ mắc bệnh hủi, và “Đối với cộng đồng người Mường ở đâu đó, chúng ta là những kẻ không có quyền được sống”. Vì vậy, cả gia đình phải vào tận rừng sâu sống lén lút, cô độc. Rồi bố mẹ gặp nạn lần lượt qua đời, em gái cũng bị lũ chuột núi hung dữ tấn công trong một lần Đa để em một mình ra suối. Cái chết thương tâm của em gái để lại trong thằng bé 12 tuổi những thương tổn nặng nề. Những câu hỏi về tồn tại hay không tồn tại liên tục xuất hiện trong đầu. Những

câu hỏi về quyền sống, về thái độ ứng xử của cộng đồng cũng không ngớt vang lên: “Con cái của những người hủi không có gì. Nhưng chúng ta vẫn có quyền được sống. Đúng không em? Nhưng cái quyền được sống ấy chúng ta đòi ở đâu? Lấy ở chỗ nào? Anh không biết!” [1; tr.376]. Và hành trình của thằng Đa - của người anh hùng nhỏ bé chính là hành trình từ bị ghẻ lạnh tìm về hơi ấm của tình người, của đồng loại.

Truyện của Hà Thị Cẩm Anh thường có nhân vật trung tâm là những đứa trẻ cô cút, thiếu hụt tình thương, sự quan tâm. Đó là anh em nhà Sinh, Sim (*Những đứa trẻ mồ côi*), anh em nhà Trong, Đục (*Con đường dài lắm*), thằng Đa (*Người anh hùng và con cọt*), thằng In (*Lão thần rừng nhỏ bé*)... Dù tên gọi nhân vật ở mỗi truyện có khác nhau nhưng người đọc dễ dàng nhận thấy trở đi trở lại trong các truyện là một cậu thiếu niên 12 - 13 tuổi, khi thì mồ côi cả cha lẫn mẹ, khi thì bị cha ruồng rẫy phải trở thành chỗ dựa cho đứa em bé dại hoặc người mẹ ốm đau... Bởi đó, cậu bé thường phải gắng gỏi, lớn hơn tuổi của mình, trở thành “lão thần rừng”, thành “người anh hùng” nhỏ bé. Dù biết rõ căn nguyên đưa tới những cảnh ngộ éo le của trẻ em chủ yếu là do thiên tai, mà sâu xa chính là lỗi của con người, nhà văn vẫn luôn thể hiện sự đồng cảm sâu sắc và sẻ chia với những tổn thương trong tâm hồn các em, hướng các em tới một cuộc sống thiện lành, giàu yêu thương.

2.3. Truyện thiếu nhi của Hà Thị Cẩm Anh - Những cảnh báo về sinh thái

Cùng với việc thức nhận về vai trò không thể thiếu của tự nhiên đối với cuộc sống con người, Hà Thị Cẩm Anh cũng cho thấy rõ một thực trạng về thái độ ứng xử của con người với tự nhiên. Dường như con người đang tự đặt mình vào vị trí trung tâm với quyền năng tối thượng, trong đó có quyền được đối xử tùy thích với tự nhiên. Chính bởi uy quyền tự huyễn đó, con người đã tàn nhẫn phá hủy rất nhiều sinh mạng. Cay đắng thay, con người lại đang trở thành nạn nhân của chính mình. Cũng trong những diễn ngôn sinh thái này, Hà Thị Cẩm Anh đã nghiêm khắc nhắc nhở con người về một “đạo đức sinh thái”.

Môi trường sinh thái từ đô thị đến nông thôn, miền núi bị đe dọa nghiêm trọng

Những hình ảnh đẹp về thiên nhiên với cây trái tốt tươi, thơm ngọt, tiếng chim hót vọng về tận làng, dòng sông êm đềm chảy, cá tôm dày đặc... chỉ còn lưu lại trong ký ức. Âm ảnh nhà văn trong hiện tại là hình ảnh đồi núi trọc và những dòng sông chết. Đó là hậu quả của tình trạng tự do đốt rừng làm nương rẫy và tiếp tay cho nạn buôn bán đất rừng, là cấu kết với lâm tặc để săn tìm, chặt hạ những cây rừng lâu năm, là săn cùng đuổi tận những loài chim thú quý hiếm, là khai thác cát đá trái phép, là đánh bắt cá bằng mìn, bằng máy xung điện... Hà Thị Cẩm Anh đã nhìn trực diện vào sự thật, chỉ ra một thực trạng rất đau lòng như vậy và xác định rõ căn nguyên. Thủ phạm không chỉ là người dân nghèo quen lối sống du canh du cư, mà phần lớn là những kẻ tham lam, đầu óc tư lợi, thượng thương, tìm mọi cách để biến của công thành của tư bất chấp những cơn giận dữ của tự nhiên. Sự tàn phá thiên nhiên một cách không thương tiếc đã làm cho nguồn sống của con người bị thu hẹp dần. Thực trạng đó không chỉ khiến những người lớn tuổi như mọng râu (ông ngoại thằng Trong) lo buồn, mà còn tác động rất lớn đến đời sống và tâm tình của trẻ em. In (*Lão thần rừng nhỏ bé*) đã “không thể lên những vùng đất trống, đồi núi trọc quanh năm ong ong nắng,

bốn mùa ngàn ngạt gió để tìm cây măng, cây rau” [1; tr.291]. Với một đứa trẻ sinh ra và lớn lên trong bất hạnh, phải chèo chống nuôi người mẹ bệnh tật vì bị cha ruồng bỏ, điều đó tạo nên những thốn thức đầy đau đớn trong lòng: “Sông thì vẫn còn nhưng nó đang chết! Người ta đã làm cho con sông bị thương tổn rất nặng rồi! Trong lòng nó và cả đôi bờ nữa đâu đâu cũng chỉ thấy thương tích. Đâu đâu cũng thấy người ta đào bới và móc sâu vào lòng sông. Làm gì được hả mẹ? Con không làm gì được!” [1; tr.285].

Trong khi rừng bị đốt phá, sông bị khai thác cùng kiệt, thì ở đồng bằng và đô thị, rác thải, nhất là rác nylon xả khắp nơi: “Những túi rác to kènh nằm chồng lên nhau, cao như núi. (...). Từ trong các túi nylon đựng rác lũ chuột rúc rích cười. Mùi tanh tươi, hôi thối bốc lên từ các túi rác khiến cho Châu Chàng con cảm thấy ngạt thở” [1; tr.42 - 43]; “Túi nylon là sát thủ cực kỳ nguy hiểm đối với dân cư ếch nhái xóm Bờ Ao này. Chỗ nào cũng túi nylon? Khiếp thật! Khiếp quá đi mất! Cả xóm Bờ Ao ngập ngụa rác thải, phấp phới túi nylon đựng rác” [1; tr.43]. Với truyện *Châu Chàng, Cóc Tía và những cư dân xóm bờ ao*, qua lăng kính của các loài vật, nhà văn đã đặc tả một không gian mà ở đó, ngay cả những động vật quen sống ở nơi kém vệ sinh nhất cũng không chịu nổi. Môi trường sống bị ô nhiễm nặng nề bởi khí độc và hóa chất, nước và rác thải. Nước ao “đặc quánh như bùn và đen như bồ hóng” khiến cho nguồn sống của các loài động vật bị cạn kiệt, bệnh tật và đói khát đe dọa cuộc sống khiến các loài đều thảm thiết kêu than. Những tiếng kêu, thực chất là những hồi chuông cảnh báo con người về một thảm họa có thể xảy đến không xa nếu con người không thay đổi cách ứng xử với môi trường.

Một thực trạng đau buồn mà nhà văn, bằng tình yêu thương và sự quan tâm sâu sắc đến thiếu nhi đã phát hiện ra: trẻ em bị lợi dụng, bị bóc lột sức lao động và vô tình trở thành những thủ phạm tàn phá môi trường sống. Trong *Lão thần rừng nhỏ bé*, những đứa trẻ mồ côi đã bị ông Gấu Ngựa lợi dụng sức lao động dưới danh nghĩa từ thiện. Lốp học tình thương của ông ta thực chất là “công trường” lao động với máy hút cát “lậu” và nhiều lồng bè nuôi cá trên khúc sông: “ba, bốn cái máy hút cát chạy hết công suất và được đặt trên một khúc sông dài hết cả phần đất của Mường Dò. Mỗi lần có xe ô tô đến “ăn cát” thì phải có người xúc cát và đội cát mà đổ lên xe cho khách hàng. Tất nhiên rồi! Bọn trẻ ở nhà tình thương phải làm việc này chứ ai? Những đứa chưa đội được cát thì đi cắt cỏ đem về nhà bè mà nuôi cá...” [3; tr.224]. Ông Gấu Ngựa tham lam, độc ác, bằng cách ấy đã biến những đứa trẻ thành kẻ tiếp tay để làm những việc phi pháp như khai thác cát trái phép, hủy hoại những sinh vật bé nhỏ, làm cho dòng sông một thời “huy hoàng” bây giờ trở nên cạn kiệt nguồn sống: “... Sông thì vẫn còn nhưng nó đang chết! Người ta làm cho con sông bị thương tổn rất nặng rồi! Trong lòng nó và cả đôi bờ nữa đâu đâu cũng chỉ thấy thương tích. Đâu đâu cũng thấy người ta đào bới và móc sâu vào lòng sông” [2; tr.285].

Con người chính là căn nguyên của những nguy cơ/thảm họa sinh thái

Con người chính là căn nguyên của những nguy cơ/thảm họa sinh thái - điều đó, cho đến giờ phút này có lẽ ít người không biết. Nhưng con người vẫn đang cố tình hoặc vô tình không nhận ra. Bằng nhãn quan sinh thái, Hà Thị Cẩm Anh đã chỉ ra rất nhiều bằng chứng không thể chối cãi. Ở những mức độ khác nhau, con người đã và đang ngược đãi tự nhiên, môi trường sống của mình: nhẹ là xả thải bừa bãi, dùng hóa chất quá liều lượng, nặng nề

hơn là chặt/đốt phá rừng bừa bãi, săn bắt muông thú, khai thác tài nguyên phi pháp... Thiên nhiên dần dà không còn là bầu bạn mà trở thành mục tiêu săn đuổi của con người: “Bây giờ cóc đã thành hàng hóa rồi cháu ạ. Người ta nói, bột cóc chữa được bệnh còi xương, suy dinh dưỡng cho trẻ nhỏ. Đúng sai thế nào thì không biết. Chỉ biết chỗ nào người ta cũng lùng bắt cóc” [1; tr.24]; “Mấy con voọc đuôi trắng, những con voọc quý hiếm nhất còn sót lại của rừng xanh ở xứ Mường này mà nó cũng muốn bắt luôn sao?” [1; tr.136]...

Nói cho đầy đủ, con người với lòng tham không đáy, trong bối cảnh công nghiệp hóa, đã dùng không chỉ bàn tay mà cả máy móc, thiết bị tối tân để tấn công vào tự nhiên. Là súng bắn chim/voọc, xung điện đánh bắt cá, mìn phá đá, máy múc cát... Và những chú cò Hoan, những Ông Gấu Ngựa... chính là những “kẻ sát nhân” đáng nguyên rủa. Tinh táo và gay gắt hơn, Hà Thị Cẩm Anh còn cho rằng, ngay cả những người bản xứ, là cha mẹ của những đứa trẻ đáng yêu kia, họ không phải không có tội. Hành động hủy diệt môi trường của họ, thậm chí, đã mang đến nỗi bất an cho cả cha mẹ lẫn con cái họ: “Nhìn con, thấy cháu vác dao vác phạng vào rừng, ông lão thở dài đau đớn” [1; tr.331]. Vậy là, từ góc nhìn thế hệ có thể thấy, thế hệ thứ 2 trong các câu chuyện này là thủ phạm chính của những ứng xử tàn nhẫn với tự nhiên. Phải chăng họ chính là nạn nhân của nền kinh tế hàng hóa, của thời kinh tế thị trường? Phải chăng vì điều kiện sống thiếu thốn, vì học vấn thấp, hạn chế về nhận thức? Dù xuất phát từ lí do gì, động cơ thế nào thì những hành động như thế cũng rất khó chấp nhận. Chúng không chỉ gieo đau thương cho thế hệ này, trong hiện tại; mà còn để lại những di chứng nặng nề khiến nhiều thế hệ con cháu các đời sau phải nhọc nhằn khắc phục.

Bên cạnh những hành động hủy diệt sinh thái tự nhiên, ngay cả việc “tìm mua những bộ công, chiêng và những ngôi nhà sàn” của một tay “lục lâm thảo khấu” như Ông Gấu Ngựa cũng là hành động hủy diệt môi trường sinh thái tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Những bộ công, chiêng - một phần của gia tài mỹ thuật mà cha ông để lại, là những sản phẩm được ông cha “tích lũy dần qua một khoảng thời gian tính bằng thiên niên kỷ, từ những nét còn thô vụng nhưng tràn trề sức sống trên vách đá hang tiền sử Đồng Nội, và những hình, những hoa văn đã được quy phạm hóa trên các hiện vật đồng thau thời sơ sử, qua các phong cách chạm tạc và trang trí khác nhau nhóm lên từng chặng đường của lịch sử dân tộc: Lý, Trần, Lê sơ, Mạc, Lê trung hưng, Lê mạt, Nguyễn. Gia tài mỹ thuật do cha ông để lại không những có độ dày của thời gian, mà còn có sự tiếp nối trong thời gian nữa” [3; tr.609 - 610]. Thử hình dung những đứa trẻ Mường lớn lên thiếu tiếng chiêng, tiếng công, không còn được tắm mình trong không gian sinh hoạt cộng đồng mà cha ông đã sống, chúng sẽ thành ra những người như thế nào? Chúng có mang được bản sắc của dân tộc mình mà đủ tự tin hội nhập vào cộng đồng rộng lớn?

Con người phải gánh chịu những hậu quả nặng nề nhất của khủng hoảng sinh thái

Là căn nguyên của những khủng hoảng sinh thái, con người cũng chính là đối tượng phải hứng chịu những hậu quả đầu tiên và nặng nề nhất. Ở mức độ nhẹ, hậu quả là bệnh tật, ốm đau. Nguy hiểm hơn là nguồn sống bị cạn kiệt, con người lâm vào cảnh thiếu thốn, đói khát: “Nó biết kiếm cái gì để ăn giữa cái nơi đất trống, đồi núi trọc mà suốt ngày chỉ có nắng, suốt đêm chỉ có gió và sương, nên thằng Sinh phải nhịn đói là chuyện thường

xuyên” [1; tr.121]. Mức độ khủng khiếp nhất, khủng hoảng sinh thái có thể đưa đến những hậu quả nặng nề, dai dẳng là cái chết hay những chấn thương tinh thần nghiêm trọng: “Lũ quét bất ngờ đổ ập xuống làng Chiềng Va. Lũ quét đi rất nhiều nhà cửa, trâu bò, gà lợn của ngôi làng. Ngôi nhà sàn năm gian, khu vườn rộng mênh mông, um tùm cây nghĩa, cây quýt, cau và dứa của nhà thằng Trong bây giờ chỉ còn lại bãi đá lô nhô” [1; tr.312]. Có rất nhiều cái chết vì thiên tai được Hà Thị Cẩm Anh nhắc đến trong các tác phẩm này: cha của thằng Sinh, con Sim (*Những đứa trẻ mồ côi*) bị chết ở hang Kịt vì hầm đào vàng bị sập, mẹ thì chết vì “lội qua suối Nghĩa, không may gặp phải một cơn lũ cạn”, “Bố, mẹ và hai người già là mộng râu và mộng váy của thằng Trong bị lũ cuốn trôi. Mấy ngày sau bộ đội và mấy người trên huyện, dưới tỉnh lên mới tìm thấy xác của những đứa trẻ vùi sâu trong đất đá” [1; tr.312].

Không chỉ tự hủy diệt sự sống của chính mình, đối xử thô bạo của con người với môi trường còn khiến nhiều loài sinh vật, động vật khác điêu đứng. Trong *Chẫu chàng, Cóc tía và những cư dân xóm bờ ao*, các loài vật như ếch, nhái, chẫu chàng, cóc... trong môi trường cực kỳ tồi tệ, đã lần lượt bị nhiễm bệnh nấm da (“Dưới lớp da đã bị phồng rộp lên và rát như bị bỏng, máu đã bắt đầu ứa ra” [1; tr.54]), bị cạn kiệt nguồn thức ăn: “Mấy đứa trẻ ranh lái cá nhà Nhái Bén cũng đang rất đói. Nhìn thấy những con nhạp nha bã trầu mình gầy xác ve tiến vào xóm Bờ Ao, chúng thèm ăn đến nhỏ dãi” [1; tr.83]. Đọc *Con đường dài lắm* hẳn người đọc sẽ khó quên được một miêu tả: “Một cây đở xuống kéo theo cả đám, cả rừng cùng gục xuống. Cây nọ kéo theo cây kia. Cây lớn đè lên cây bé. Con người chả mắt bao nhiêu công sức, nhưng thật sự cũng không cần xô đổ cả rừng cây đã bị tử hình ấy” [1; tr.334]. Làm sao có thể không ám ảnh, day dứt khi con người có nhãn quan sinh thái, biết suy nghĩ sâu sắc về môi trường sống, về vị trí của con người trong vũ trụ. Thay vì ở vị trí trung tâm để kiến tạo, cân bằng, bảo vệ sinh thái, con người đang từng ngày đẩy sinh thái tự nhiên, và cả sinh thái xã hội vào tình trạng bị chấn thương.

Trẻ em - những sứ giả bảo vệ môi trường

Trong khi thiên nhiên đang đứng trước những cơn bão do người lớn giăng ra, thì trẻ em chính là đối tượng thức nhận và ngăn chặn những nguy cơ hủy diệt tàn độc đó. Sinh (*Những đứa trẻ mồ côi*) là người đầu tiên phát hiện ra âm mưu của bố con chú Hai Hân muốn bắt đàn voọc đuôi trắng để bán cho đám người dưới xuôi lên. Trong con mắt Sinh, bố con chú Hai Hân và đám người dưới xuôi với súng bắn thuốc mê và lưới là “những con ma” trên rừng Mã Hủi: “Mắt thằng Hoan như mắt cú vọ”. Cùng chung cảm xúc với Sinh, vạ Cúc - “một cô gái Mường Rạc còn chưa kịp làm người lớn đã bị gánh nặng gia đình đè oằn xuống vai” [1; tr.146], cũng đau đớn thốt lên: “Nếu không ngăn được vụ này thì chỉ dăm ngày nữa là khu rừng Mã Hủi sẽ bị đốt hết, sẽ bị phá sạch. Những con voọc đuôi trắng tội nghiệp ấy cũng sẽ bị những thằng Mường khôn nạn như khà Hai Hân ấy hại chết thôi cháu ơi!” [1; tr.148]. Trong *Lão thần rừng nhỏ bé*, một cậu bé tên In mới 13 tuổi nhưng trong lòng đầy nỗi niềm, lúc nào cũng thôn thốc về rừng. In đã có nhiều phút giây giằng xé, đấu tranh trong nội tâm giữa một bên là tiếp tay cho hành động hủy diệt môi trường tự nhiên của Ông Gấu Ngựa với một bên là mạng sống của mình và người mẹ: “Đó là khu rừng đã nuôi sống mẹ con In. Đàn voọc quần đùi trắng quý hiếm! Cụ rùa đá già nua và lũ chim muông vô tư lự mà chúng là những người bạn gần gũi,

thân thiết nhất của mình? Lũ chim luôn hiểu và luôn động viên, an ủi khi In cảm thấy trong lòng buồn khổ?” [1; tr.234]. Cùng yêu rừng như thằng In, thằng Chinh Ngốc (*Thằng Chinh Ngốc*) rất đau lòng khi thằng Ràng bị bắt đi tù vì tội bán lẻ ma túy “cũng giống như nó đã đau lòng về chuyện của con báo Lừa bị chết trong rừng Chuông Cò do chính nó gây ra”. Vì lẽ đó, khi gặp đoàn người đi săn đang “mỗi người một hòn đá to nhằm đúng vào con vật mà ném”, thằng Chinh đã rú lên: “Nó quý gói xuống đất để xin mọi người hãy dừng tay lại”. Tiếc thay, “chẳng ai nghe lời van xin của thằng Chinh cả” [1; tr.360].

Yêu rừng, tha thiết bảo vệ rừng, trong đó có các loại động vật quý, trẻ em nhiều khi đã đặt mình vào những tình huống đầy nguy hiểm. May mắn sao, trong những trường hợp này, không phải chính nghĩa chiến thắng như một quan niệm ít nhiều mang tính huyền bí, tâm linh; mà chính là các em đã được rừng che chở, bảo vệ để có đủ sức mạnh mà bảo vệ rừng. Con Sim, thằng Sinh, và Cúc (*Những đứa trẻ mồ côi*) nhờ thông thạo địa hình, nhờ Hang Mỏ, nhờ bụng cây gỏi già... đã giải cứu hai con trăn hổ, tám con kỳ đà, con rùa đá, đàn voọc đuôi trắng... thoát khỏi mưu toan tiếp tay buôn bán động vật quý của chú cò Hoan. Miêu tả những hành động bảo vệ rừng của trẻ em, truyện của Hà Thị Cẩm Anh đã cho thấy giữa thiên nhiên và con người có những sự giao cảm rất kỳ diệu. Thiên nhiên che chở, nuôi sống con người; con người chăm bẵm, yêu thương thế giới loài vật, quý trọng tự nhiên. Chính vì thế, không chỉ loài vật được trả lại sự sống, mà con người cũng được tiếp thêm sức mạnh để vượt qua nỗi cô đơn, khổ đau, bất hạnh. Có thể đồng tình với Đào Thủy Nguyên về những thông điệp mà nhà văn gửi gắm qua những câu chuyện thuộc chủ đề này rằng nếu con người biết “ứng xử thân thiện, hòa hợp với thiên nhiên thì mẹ thiên nhiên sẽ luôn mở rộng tấm lòng bao dung chữa lành mọi vết thương trong tâm hồn con người” [1; tr.15].

2.4. Diễn ngôn sinh thái phù hợp với “tâm đón đợi” của trẻ em

Quan tâm sâu sắc đến sinh thái, Hà Thị Cẩm Anh cũng mong muốn truyền đạt tới người đọc niềm mong mỏi về một ý thức sinh thái trong mỗi con người. Xác định đối tượng độc giả chủ yếu là thiếu nhi, nhà văn dùng lối viết trong sáng, truyền cảm, dễ hiểu nhất.

Nhân vật trung tâm trong truyện thiếu nhi của Hà Thị Cẩm Anh là trẻ em, thường là trẻ em bất hạnh hoặc thế giới loài vật. Điều này vừa phù hợp với tâm hồn trẻ, vừa giúp tác giả lí giải một cách rất tự nhiên về tình yêu thiên nhiên và ý thức giữ gìn sinh thái của lứa tuổi thiếu niên. Tất cả chỉ như là xuất phát từ bản tính hồn nhiên, trẻ thơ, gắn bó với tự nhiên, yêu thiên nhiên và do cảnh ngộ riêng tư đưa lại chứ không vì một sự gò ép khiên cưỡng nào.

Trong trần thuật, nhà văn khéo léo đưa huyền thoại, cổ tích vào những tình huống phù hợp. Biết việc con rùa đá bị bắt đem bán, và Cúc ngỡ ngàng thốt lên: “Nó đem cả linh vật của người Mường ta đi bán” và câu chuyện “Ngày xưa, ngày xưa khi mà “trời còn đang puồng luồng, đất còn đang pời lời...” đã được và Cúc kể lại cho con Sim và thằng Sinh nghe như một gợi nhắc về nguồn cội. Để bảo vệ rừng nguyên sinh Mả Hủi trước những con mắt cú vọ như ông Gấu Ngựa, người Mường đã truyền nhau một huyền chuyện rất ly kỳ, rừng rợn: “Chuyện rằng: Trong rừng có một làng hủi cùi đông đúc...”. Trước cảnh núi Khú Đươi bị tàn phá thảm hại, mộng vầy (bà ngoại) của thằng Trong xót xa kể lại: “Ngày xưa, đã lâu lắm rồi người ta vẫn gọi Khú Đươi là rừng Chuông Cò. Chuông Cò vốn là một khu rừng

nguyên sinh” [1; tr.325]. Đôi khi, nếu không là một câu chuyện thì các nhân vật trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* như Mường Trời, mụ Dạ Dần, cây Chu Đá lá Chu Đồng, Lang Cun Cản... cũng được nhà văn gợi nhắc, viện dẫn. Điều này tạo nên những liên tưởng có chiều sâu về sinh thái tinh thần, cũng chính là nhằm giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc và nhắc nhở về ý thức giữ gìn, bảo tồn, phát huy.

Tác giả cũng tạo dựng được những tình huống gay cấn, kịch tính, gây hồi hộp cho người đọc. Chẳng hạn chuyện thằng Sinh cùng với vợ Cúc, con Sim (*Những đứa trẻ mồ côi*) vào giữa “trận địa” của bọn buôn bán động vật quý hiếm giải cứu cho trăn hổ, kỳ đà da nâu, rùa đá... Cuộc đột kích được miêu tả như một trận chiến giáp lá cà. Cuối cùng, nhờ gắn bó với rừng, những đứa trẻ mồ côi đã được rừng che chở, lần lượt đưa được những con vật quý hiếm trở về đời sống tự nhiên.

Hà Thị Cẩm Anh có biệt tài tả những cảnh rừng rợn, ma quỷ; tả cảnh đẹp của thiên nhiên; quan sát và miêu tả sinh động về cuộc sống của các loại động vật ở thung lũng Si Dồ... Nhà văn sử dụng đa dạng các biện pháp và thủ pháp. So sánh là thủ pháp giúp nhà văn tạo dựng một thế giới nghệ thuật phong phú về hình ảnh, do vậy vừa hấp dẫn, vừa dễ gây được ấn tượng. Diễn tả cảm xúc bất ngờ, đau đớn của thằng Sinh (*Những đứa trẻ mồ côi*) khi phát hiện em Sim bị bạo hành, tác giả viết: “Hình như có ai đó hất cả một bếp than nóng vào giữa mặt thằng bé mười hai tuổi khiến nó nhảy dựng lên rồi đổ vật xuống sàn giống như một cái cây bất ngờ bị đốn ngã” [1; tr.110]. Tả đôi mắt của thằng Sinh: “Thằng Sinh có đôi mắt sáng như mắt cú mèo. Ban đêm nó đi trong rừng cũng như đi ngoài đường lớn” [1; tr.178]. Trong *Người anh hùng và con cọp*, nhà văn đã miêu tả đầy ám ảnh cảnh thằng Đa ra sông đánh cá trở về tìm con Hĩm và chứng kiến cảnh đứa em gái năm tuổi của mình bị đàn chuột tấn công: “Cuối cùng thì thằng anh trai khốn khổ cũng đụng tay vào xác đứa em gái đã bị lũ chuột dành nhau lôi ra tận cửa sành chồ. Con bé đã chết! Phải khó khăn lắm Đa mới giằng được xác con bé ra khỏi lũ chuột lông xám. Không biết lũ chuột đông đúc, hung hăng này đã giết chết con Hĩm từ lúc nào? Hai mắt con Hĩm đã bị chúng ăn hết. Cả hai bên mắt chỉ còn là hai cái hố sâu hoắm, rộng hoác trên cái mặt loang đầy các vết máu của Hĩm em”... [1; tr.372 - 373]. Những miêu tả này, ngoài việc gây ấn tượng, hấp dẫn người đọc, còn có ý nghĩa như là những tiếng nói cảnh tỉnh mạnh mẽ về hậu quả nặng nề mà con người phải hứng chịu bởi những hành động hủy diệt tự nhiên của chính mình. Chỉ tiếc đôi khi vì muốn nói cho riết róng về chủ đề sinh thái, nhà văn đã để cho tư tưởng của mình lộ ra một cách hơi thiếu tự nhiên. Một số lỗi về chế bản nếu được khắc phục triệt để, ấn phẩm sẽ thể hiện rõ hơn tính chuyên nghiệp và người đọc có được cảm giác thoải mái hơn.

3. KẾT LUẬN

Có thể thấy, chủ đích giáo dục ý thức sinh thái của nhà văn Hà Thị Cẩm Anh trong các truyện viết cho thiếu nhi là rất rõ ràng. Và dù quan tâm đặc biệt đến môi trường sinh thái tự nhiên, nhưng Hà Thị Cẩm Anh đã thể hiện một quan niệm sinh thái rộng mở, toàn diện khi đề cập cả những vấn đề liên quan đến sinh thái xã hội, sinh thái tinh thần của con người, nhất là đối với trẻ em. Bằng sự am hiểu về trẻ em và tố chất văn chương thiên bẩm, đậm dẫu

ấn văn hóa Mường, nhà văn đã truyền tải những thông điệp sinh thái một cách dễ hiểu, dễ tiếp nhận. Trong bối cảnh môi trường sinh thái đang đứng trước nhiều nguy cơ, những tác phẩm của Hà Thị Cẩm Anh vừa có ý nghĩa cảnh báo, vừa thể hiện niềm mong mỏi thiết tha của nhà văn về một ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường sinh thái trong mỗi người và tinh thần ấy cần được nuôi dưỡng từ tuổi ấu nhi cho đến lúc trưởng thành và mãi mãi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hà Thị Cẩm Anh (2020), *Tuyển tập văn học thiếu nhi* (Đề tài miền núi và dân tộc thiểu số), Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [2] Lê Tú Anh (2017), *Sáng tác của Ngọc Giao từ góc nhìn phê bình sinh thái*, in trong Văn xuôi Việt Nam hiện đại: khảo cứu và suy ngẫm, tr.258-273, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Từ Chi (2020), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [4] Hoàng Tố Mai (chủ biên) (2017), *Phê bình sinh thái là gì?*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [5] Kevin MacDonnell, Steve Mentz (2016), *Ecology in Literature*, Oxford Bibliographies, <https://www.oxfordbibliographies.com/view/document/obo-9780199830060/obo-9780199830060-0148.xml>
- [6] Rajesh Subramanian (2017), *Could Eco-Literature Be the Next Major Literary Wave?*, nguồn: <https://thewire.in/books/eco-literature-next-major-literary-wave>

ECO-CONSCIOUSNESS EDUCATION IN CHILDREN'S STORY BY HA THI CAM ANH

Le Tu Anh, Le Thi Thu, Le Thi Mai

ABSTRACT

Ha Thi Cam Anh is an ethnic minority writer in Thanh Hoa. With more than half a century of writing, the writer has had a comparatively voluminous literary career consisting mainly of prose works. In addition to works imbued with Muong culture, Ha Thi Cam Anh's stories also show a very deep ecological consciousness, especially in works for children. This article uses eco-criticism theory to identify, analyze and explain ecological feelings and the purpose of ecological consciousness education in children's stories selected in "Anthology of children's literature" (Mountainous areas and ethnic minorities topic), Thanh Hoa Publishing House, 2020 by Ha Thi Cam Anh.

Keywords: *Children's stories, Ha Thi Cam Anh, education, eco-consciousness.*

* Ngày nộp bài: 15/11/2021; Ngày gửi phản biện: 15/11/2021; Ngày duyệt đăng: 12/4/2022